TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 4 - 2018
V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Văn Duyên.
Ông Cao Ngọc Thạch.
Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Ngày 13/4/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của ông Phạm Văn Đ và và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Phạm Văn Đ trình bày: Vào năm 2006 ông và bà T tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An. Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau hơn 01 năm, hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 bà T bỏ đi, ông đã nhiều lần yêu cầu bà T về chung sống với nhau nhưng không có kết quả. Nay ông Đ xác định không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung. Vì vậy, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà T trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống có hai người con chung tên Phạm Thị Thu X, sinh ngày 11/02/2007 và Phạm Thị Thu Tr, sinh ngày 20/10/2009, giới tính nữ. Hiện nay do ông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục. Sau khi ly hôn ông Đ xin được tiếp tục nuôi dưỡng không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của ông Phạm Văn Đ Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân thị xã K đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số 125/TB-TLVA ngày 17/11/2017; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 160/TB-TA ngày 17/11/2017; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 185/TB-TA ngày 18/12/2017 đã niêm yết theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà T không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án. Do đó, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không thể tiến hành được nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ông Phạm Văn Đ làm đơn khởi kiện xin ly hôn, quyền nuôi con, đối với bà Nguyễn Thị Thu T; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân thị xã K thụ lý giải quyết là phù hợp với Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã niêm yết theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà T không có mặt nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Phiên tòa mở lại lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 ngày 13/4/2018 đã niêm yết theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà T không có mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt bà T là phù phù hợp với quy định của pháp luật tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Tại phiên tòa ông Phạm Văn Đ xác định không còn tình nghĩa vợ chồng với bà Nguyễn Thị Thu T, không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dạy con chung nên yêu cầu được ly hôn với bà T. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của ông Đ với bà T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thương yêu, quí trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện tại hai người đã sống ly thân . Vì vậy, cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Văn Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: ông Phạm Văn Đ yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung tên Phạm Thị Thu X, sinh ngày 11/02/2007 và Phạm Thị Thu Tr, sinh ngày 20/10/2009, giới tính nữ. Xét thấy, yêu cầu của ông Đ là hoàn toàn tự nguyện và từ khi bà T bỏ đi đến nay ông chăm sóc

hai người con chung phát triển bình thường như bao trẻ khác. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của ông Đ là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ xác định không có không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Ông Đ phải chịu tiền án phí ly hôn nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 và từ Điều 81 đến Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ đối với bà Nguyễn Thị Thu T.

Về hôn nhân: Xử cho ông Phạm Văn Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu T.

Về con chung: Tiếp tục giao hai người con chung tên Phạm Thị Thu X, sinh ngày 11/02/2007 và Phạm Thị Thu Tr, sinh ngày 20/10/2009, giới tính nữ cho ông Phạm Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Thu T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc ngây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Phạm Văn Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0006590 ngày 14/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Long An. Ông Phạm Văn Đ nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông Phạm Văn Đ báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bà Nguyễn Thị Thu T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND xã L, C, LA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trình Văn Út